

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 6,05 ha) tại xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định để phục vụ thi công Khu dân cư khu Đông Nam ngã ba đường Quốc lộ 19B - ĐT640 của Công ty TNHH Xây dựng Tấn Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 405/STNMT-CCBVMT ngày 02/02/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Xây dựng Tấn Thành;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 6,05 ha) tại xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định để phục vụ thi công Khu dân cư khu Đông Nam ngã ba đường Quốc lộ 19B - ĐT640 kèm theo Văn bản số 19/2024/CV-TT ngày 25/3/2024 của Công ty TNHH Xây dựng Tấn Thành;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 354/TTr-STNMT ngày 27/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 6,05 ha) tại xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định để phục vụ thi công Khu dân cư khu Đông Nam

ngã ba đường Quốc lộ 19B - ĐT640 (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Xây dựng Tấn Thành (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Phù Cát;
- UBND xã Cát Nhơn;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP (DIỆN TÍCH 6,05 HA) TẠI
XÃ CÁT NHƠN, HUYỆN PHÙ CÁT ĐỂ PHỤC VỤ THI CÔNG KHU
DÂN CƯ KHU ĐÔNG NAM NGÃ BA ĐƯỜNG QUỐC LỘ 19B - ĐT640
CỦA CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TẤN THÀNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 6,05 ha) tại xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định để phục vụ thi công Khu dân cư khu Đông Nam ngã ba đường Quốc lộ 19B - ĐT640.

- Địa điểm thực hiện: xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng Tấn Thành.

- Địa chỉ liên hệ: 639 Nguyễn Huệ, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Điện thoại: 0913.499504.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 6,05 ha, gồm 02 khu vực độc lập cách nhau khoảng 3,5 km, cụ thể:

+ Khu vực I có diện tích 2,55 ha tại thôn Chánh Nhơn, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát .

+ Khu vực II có diện tích 3,5 ha tại thôn Liên Trì, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát.

- Thời hạn khai thác: 02 năm, đến hết ngày 30/10/2025 (theo tiến độ thi công Khu dân cư khu Đông Nam ngã ba đường Quốc lộ 19B – ĐT640, xã Cát Tiến (21 ha) – Giai đoạn 1: 9,0 ha đã được UBND huyện Phù Cát xác nhận tại Công văn số 259/UBND-BQL ngày 05/02/2024).

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).

- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác theo Quyết định số 4666/QĐ-UBND ngày 16/12/2023 của UBND tỉnh là 356.904 m³ đất địa chất.

- Công suất khai thác: theo nhu cầu đất san lấp phục vụ thi công Khu dân cư khu Đông Nam ngã ba đường Quốc lộ 19B - ĐT640 với tổng khối lượng 251.172 m³ đất địa chất nên công suất khai thác như sau:

+ Năm thứ nhất: 140.000 m³ đất địa chất/năm.

+ Năm thứ hai: 111.172 m³ đất địa chất/năm.

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác:

- Trình tự khai thác: Khu vực I có diện tích 2,55 ha (diện tích huy động khai thác là 1,059 ha) và khu vực II, diện tích 3,5 ha được chia làm 02 khoảnh khai thác (diện tích khoảnh 1 là 2,415 ha và diện tích khoảnh 2 là 1,085 ha). Thực hiện khai thác theo trình tự năm thứ nhất tại khoảnh 1 khu vực II; năm thứ hai tại khoảnh 2 khu vực II và khu vực I. Thực hiện san gạt, trồng cây cải tạo phục hồi môi trường trình tự cuốn chiếu từng năm.

- Phương pháp khai thác:

+ Khu vực I mở vỉa tại cao độ cos +35m ở phía Tây khu vực dự án, khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới, chiều cao khai thác trung bình 4,47 - 5,25m, địa hình kết thúc khai thác thoải dần từ cao độ +35m đến +19m (đã bao gồm lớp đất +0,6m để lại trồng cây).

+ Khu vực II mở vỉa tại cao độ cos +86m ở phía Đông Bắc khu vực dự án (khoảnh 1), khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới, chiều cao khai thác trung bình 6,07 - 6,15m, địa hình kết thúc thoải dần từ Bắc về Nam với cao độ +90m đến +31m (đã bao gồm lớp đất +0,6m để lại trồng cây).

Sử dụng máy đào (dung tích gầu 1,25 m³) để khai thác và xe 15 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

a) Khu vực 1 (2,55 ha)

- Công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ có tổng chiều dài 265 m; mương thu gom nước dọc hai bên tuyến đường công vụ trong mỏ có tổng chiều dài 171 m; 01 hố giảm tốc (phía Đông).

- Tuyến đường giao thông:

+ Tuyến đường ngoài mỏ: Công ty sử dụng tuyến đường bê tông hiện trạng có sẵn và cải tạo, nâng cấp tuyến đường đất phục vụ khai thác (có kích thước: dài 25m x rộng 4m) để phục vụ hoạt động vận chuyển đất đến công trình. Công ty sẽ sử dụng tuyến đường này và không tháo dỡ khi kết thúc khai thác, giữ lại cho hoạt động chăm sóc keo, bạch đàn của người dân.

+ Tuyến đường công vụ trong mỏ (kết hợp làm các mương thoát nước dọc tuyến đường) dài khoảng 171 m.

- Khu vực phụ trợ phía Tây Bắc (nằm trong khu vực mỏ), diện tích khoảng 600 m² để bố trí lán trại tạm (có bố trí khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại), nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe.

b) Khu vực 2 (3,5 ha)

- Công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ (trừ phần ranh giới phía Bắc mỏ do khu vực này là thượng lưu của lưu vực thoát nước khu vực) có tổng chiều dài 590 m; mương thu gom nước dọc hai bên tuyến đường công vụ trong mỏ có tổng chiều dài 587 m ; 01 hố giảm tốc (phía Tây Nam).

- Tuyến đường giao thông:

+ Tuyến đường ngoài mỏ: Công ty sử dụng tuyến đường bê tông hiện trạng có sẵn và cải tạo, nâng cấp tuyến đường đất mở mới (có kích thước: dài 150m x rộng 4m) để phục vụ hoạt động vận chuyển. Công ty sẽ sử dụng tuyến đường này và không tháo dỡ khi kết thúc khai thác, giữ lại cho hoạt động chăm sóc keo, bạch đàn của người dân theo yêu cầu của địa phương.

+ Tuyến đường công vụ trong mỏ: dài khoảng 587 m (kết hợp làm các mương thoát nước dọc tuyến đường).

- Khu vực phụ trợ phía Tây Nam (nằm trong khu vực mỏ), diện tích khoảng 600 m² để bố trí lán trại tạm (có bố trí khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại), nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe.

1.5. Chuyển mục đích sử dụng rừng: Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất lâm nghiệp thuộc quy hoạch rừng sản xuất với diện tích 5,69 ha (trong đó khu vực I có diện tích 2,19 ha và khu vực II có diện tích 3,5 ha).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác từ hoạt động khai thác và vận chuyển; gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh khoảng 1,344 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 16.381 m³/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn của cả 02 khu vực là 11,84 ha).

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác đất và vận chuyển đất đến phục vụ thi công Khu dân cư khu Đông Nam ngã ba đường Quốc lộ 19B - ĐT640.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 5 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 02 kg/năm; pin, ắc quy thải (Mã chất thải: 16 01 12) khoảng 03 kg/năm.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ, ảnh hưởng đến hạ lưu khu vực dự án, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ; định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

a) Khu vực I:

Hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ, tổng chiều dài khoảng 265 m (kích thước: rộng 2,0m x sâu 1,0m); mương thu gom nước mưa chảy tràn dọc tuyến đường trong mỏ có chiều dài 171 m (kích thước: rộng 1,0m x sâu 0,5m) và mương dẫn nước từ hồ giảm tốc ra nguồn tiếp nhận có chiều dài khoảng 5 m (kích thước: rộng 2,0m x sâu 1,0m). Các mương có kết cấu là mương đất hờ, được gia cố đảm bảo.

- Hồ giảm tốc số 1 phía Đông dự án (tọa độ 1.545.954; 595.297), thể tích khoảng 396 m³ (diện tích 132 m², sâu 3 m). Kết cấu hồ giảm tốc được chia làm 02 ngăn, gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Tây mỏ → mương thu gom xung quanh mỏ → hồ giảm tốc số 1 phía Đông (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương thoát nước ngoài mỏ (dài khoảng 5 m) → suối cạn hiện trạng phía Đông khu vực.

+ Nước mưa thu gom 02 bên tuyến đường mở mỏ → cống qua đường → hồ giảm tốc số 01 phía Đông (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → suối cạn hiện trạng phía Đông khu vực.

b) Khu vực II

Hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ, tổng chiều dài khoảng 590 m (kích thước: rộng 2,0m x sâu 1,0m); mương thu gom nước mưa chảy tràn dọc tuyến đường trong mỏ có chiều dài 587 m (kích thước: rộng 1,0m x sâu 0,5m) và mương dẫn nước từ hồ giảm tốc ra nguồn tiếp nhận có chiều dài khoảng 5 m (kích thước: rộng 2,0m x sâu 1,0m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hồ giảm tốc số 2 phía Tây Nam (tọa độ 1.546.313; 598.367), thể tích khoảng 2.100 m³ (diện tích 700 m², sâu 3 m). Kết cấu hồ giảm tốc được chia làm 02 ngăn, gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía phía Bắc mỏ → mương thu gom → hồ giảm tốc số 2 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → suối cạn hiện trạng phía Tây Nam khu vực.

+ Nước mưa thu gom 02 bên tuyến đường mở mỏ → cống qua đường → hồ giảm tốc số 02 phía Tây Nam (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → suối cạn hiện trạng phía Tây Nam khu vực.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển từ khu vực mỏ đến công trình (tại các vị trí qua khu dân cư, các công trình xây dựng,...) và tăng cường vào mùa nắng.

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, thực hiện giải pháp gạt đất bánh xe trước khi ra ngoài và che chắn, không để rơi vãi đất trong quá trình vận chuyển.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường: Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại lán trại tạm để thu gom và xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung: Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện giải pháp đảm bảo an toàn các bãi lộ đá nằm trong phạm vi khu vực I khi kết thúc khai thác.

- Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định Luật Khoáng sản.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường (san gạt, trồng cây) theo trình tự cuốn chiếu hàng năm (kết thúc năm thứ nhất thực hiện san gạt, trồng cây phục hồi môi trường khoảng 1 thuộc khu vực II với diện tích 2,415 ha; kết thúc năm thứ 2 thực hiện san gạt, trồng cây phục hồi môi trường phần diện tích còn lại), Các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường cụ thể như sau:

STT	Tên công trình	Khối lượng/đơn vị	Kết quả sau khi phục hồi môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
I	Khu vực khai thác			
1	San gạt lại đáy khai trường.	4.103,1 m ³	Tạo bề mặt bằng phẳng, thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây.	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc
2	Trồng rừng cây keo lai phủ xanh khu vực mỏ (gồm khu vực I diện tích 3,5 ha và khu vực II diện tích 1,059 ha), mật độ 1.600 cây/ha	4,559 ha	Phủ xanh diện tích đã khai thác.	Sau khi kết thúc khai thác từng năm.
3	San lấp hố giảm tốc	1.617 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu.	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc
4	San lấp mương dẫn nước	1.881 m ³		
5	Tháo dỡ lán trại tạm và nhà vệ sinh di động (2 cái)	30 m ²		
6	Tháo dỡ 16 cống bi ngầm có đường kính Ø1000mm	16 cấu kiện		
7	Cấm biển báo nguy hiểm bằng BTCT tại khu vực CTPHMT.	4 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Thực hiện trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc khai thác
8	Vận chuyển đá thải gia cố tuyến đường và suối cạn	1.500 m ³	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc

STT	Tên công trình	Khối lượng/đơn vị	Kết quả sau khi phục hồi môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
9	Đo vẽ địa hình sau khi kết thúc công tác CTPHMT.	4,559 ha	Giám sát chiều sâu khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng
II	Ngoài khu vực khai thác			
1	San lấp mương thoát nước.	22 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau
2	Cải tạo nâng cấp tuyến đường ngoài khu vực dự án.	210 m ³	Đảm bảo kết cấu tuyến đường phục vụ cho hoạt động vận chuyển.	10 ngày kể từ thời điểm kết thúc

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **668.242.000 đồng** (Sáu trăm sáu mươi tám triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng chẵn).

- Số lần ký quỹ: 02 lần, thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 167.061.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Lần 2, số tiền: 501.181.000 đồng; thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2024.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó; tạo bờ dè xung quanh khu vực mỏ nhằm giảm thiểu sạt lở phía hạ lưu trong quá trình khai thác.

- Thường xuyên nạo vét hồ giảm tốc, mương thoát nước mưa trong khu vực dự án và thực hiện gia cố, nắn dòng chảy các suối cạn trong 02 khu vực, giảm nguy cơ sa bồi, gây ảnh hưởng đến khu vực phía hạ lưu. Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở hai bên bờ, ảnh hưởng đến khu vực phía hạ lưu, chủ dự án phải phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

- Bố trí khu vực điều tiết lưu lượng xe ra vào mỏ, không tập trung xe trên đường đất hiện trạng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: Lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

5.2. Giám sát sa bồi, thủy phá diện tích đất nông nghiệp phía hạ lưu.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển đất.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không.